

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09-02-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình
2. Ông Phạm Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 555/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Số B đường T, thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1971; Thường trú: Số B đường T, thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Số C đường số B, tổ T, thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Bà Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Tấn L tìm hiểu nhau gần 06 tháng thì năm 2000 tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/2000 ngày 15/12/2000.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại tổ T, thôn B, xã Đ đến năm 2013 thì về tại Số B đường T, thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông L đi uống rượu về say sấn đập phá đồ đạc, đánh đập bà Th. Có lần ông L mua xăng về đổ đầy nhà dọa đốt làm mẹ con bà Th sợ phải chạy về nhà mẹ ruột để trốn. Đầu năm 2022, ông L uống rượu về cầm dao đập bể cửa kính đến nay còn chưa thay kính. Khoảng giữa năm 2022, bà Th thuê mặt bằng để bán đồ ăn sáng và chiều nên bà Th ở lại để coi quán, rất ít về nhà. Ông L và con nhỏ ở tại nhà Số B đường T, thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Có nhiều lần ông L uống rượu đến quán của bà Th để quậy phá và đập bàn ghế không để bà Th buôn bán làm ăn. Bà Th cảm thấy mệt mỏi với cảnh phải sống như vậy, bên cạnh đó bà Th cũng không còn tình cảm gì với ông L, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, 02 con lớn tên Nguyễn Trần Trúc L và Nguyễn Trần Trúc L1, cùng sinh ngày 08/6/2002. Con nhỏ tên Nguyễn Trần Hoài T, sinh ngày 09/9/2005. Hai con lớn đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con nhỏ Hoài T, bà Th rút yêu cầu giải quyết về con chung bằng đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 05/01/2023, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 05/01/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tấn L trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Th tìm hiểu nhau gần 01 năm thì năm 2000 tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyền số 01/2000 ngày 15/12/2000.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại tổ T, thôn B, xã Đ đến năm 2008 thì về tại Số B đường T, thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vì bà Th thường đi chơi hát hò với bạn bè nên ông L nhiều lúc tức giận, uống rượu về say sấn thì đá đồ quạt, có lúc cầm dao đến quán của bà Th buôn bán để đe dọa người bạn hùn vốn với bà Th mở quán ăn sáng, vì người đó gây sự với ông L và nói có tình cảm với bà Th. Ông L khẳng định không bao giờ đánh bà Th. Từ tháng 4/2022, bà Th mở quán bán đồ ăn sáng và chiều nên ở lại quán, còn ông L và con gái ở nhà Số B đường T, thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cho đến nay. Theo ông L nhận thấy thì tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, không có mâu thuẫn gì trầm trọng.

Tại bản tự khai, ông L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông không đồng ý với yêu cầu được ly hôn của bà Trần Thị Th. Tuy nhiên, tại phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông L đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà Th, nhưng vì là người theo tín ngưỡng công giáo nên ông

không đồng ý ký tên vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành của Tòa án mà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, 02 con lớn tên Nguyễn Trần Trúc L và Nguyễn Trần Trúc L1, cùng sinh ngày 08/6/2002. Con nhỏ tên Nguyễn Trần Hoài T, sinh ngày 09/9/2005. Vì bà Th đã rút yêu cầu giải quyết về con chung nên ông L không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 16/01/2023, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Tấn L tại địa phương và được cung cấp: Bà Th và ông L là vợ chồng, có cùng hộ khẩu tại số B Tr, thôn S, xã Đ. Vợ chồng có 03 con chung. Bà Th mở quán bán đồ ăn sáng và chiều tại thôn N, xã Đ. Trong quá trình buôn bán, do có nhiều người ra vào chọc ghẹo nên ông L có đến quậy phá quán, nhưng không ai trình báo địa phương đến giải quyết. Ngoài ra, địa phương không nhận được thông tin hay đơn yêu cầu giải quyết gì giữa hai vợ chồng. Bà Th thường xuyên ở lại nơi bán đồ ăn, ít khi về nhà, ông L cùng con gái nhỏ nhất ở tại địa chỉ thường trú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2000, bà Th, ông L kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Th yêu cầu được ly hôn thì ông L cũng đồng ý, do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th; Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, 02 con lớn tên Nguyễn Trần Trúc L và Nguyễn Trần Trúc L1, cùng sinh ngày 08/6/2002. Con nhỏ tên Nguyễn Trần Hoài T, sinh ngày 09/9/2005; Ngày 05/01/2023 bà Th rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp về nuôi con, vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 03/02/2023 và ngày 09/02/2023 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Tấn L có 01 thời gian tìm hiểu nhau thì năm 2000 tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/2000 ngày 15/12/2000, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của bà Th và ông L cũng như xác minh tại địa phương, thì vợ chồng đã có mâu thuẫn cãi vã với nhau nhiều lần, có lúc ông L đến quậy phá quán bán đồ ăn của bà Th hoặc đập phá đồ đạc trong nhà. Tại phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông L đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà Th, nhưng vì là người theo tín ngưỡng công giáo nên ông không đồng ý ký tên vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành của Tòa án mà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Trần Thị Th.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung, 02 con lớn tên Nguyễn Trần Trúc L và Nguyễn Trần Trúc L1, cùng sinh ngày 08/6/2002. Con nhỏ tên Nguyễn Trần Hoài T, sinh ngày 09/9/2005. Tại đơn khởi kiện, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hai con lớn đã thành niên. Đối với con tên Nguyễn Trần Hoài T, sau khi ly hôn, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ngày 05/01/2023, bà Th có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp về nuôi con. Do đó, Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu này là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn và đình chỉ đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con của bà Trần Thị Th đối với ông Nguyễn Tấn L. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 92, 144, 147, 217, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th đối với ông Nguyễn Tấn L về việc ly hôn.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Tấn L.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th đối với ông Nguyễn Tấn L về tranh chấp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012709 ngày 26/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Bà Trần Thị Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung